

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 22/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Hưng

Ông Lê Anh Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh P (tên gọi khác Hường), sinh năm 1981 tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp BV, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Nhàn, sinh năm 1958 và bà Châu Thị Ngọc, sinh năm 1958; Anh, em ruột có 04 người lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1987; vợ: Trần Thị Diễm, sinh năm 1995 (đã ly hôn); con: 2 người, sinh năm 2011 và 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư **Võ Văn Mạnh** - Văn phòng luật sư Phạm Văn Cẩn thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Người bị hại:

1. Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp RH, xã HNh, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm: 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp BVg, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà **Trần Thị Ng**, sinh năm: 1962

Người đại diện hợp pháp của bà Ngọc: Ông **Đoàn Minh L**, sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: ấp BV, xã HN, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Hồ Văn M**, sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp LB, xã CC thành phố PQ, Kiên Giang.

2. Bà **Trần Kim Ph**, sinh năm 1957 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp BV, xã Hn, thành phố PQ, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân bị cáo Nguyễn Thanh P trong khoảng thời gian từ ngày 10/02/2017 đến ngày 02/5/2019 với lý do mua bán bất động sản, sửa chữa nhà, tiêu xài cá nhân nên vay mượn tiền của nhiều người. Đến ngày 23/7/2020 không còn khả năng trả nợ nên bỏ trốn phương nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

1. Đối với ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T:

Trước đây vào khoảng năm 2017, Nguyễn Thanh P vay mượn tiền của vợ chồng ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T nhiều lần, mỗi lần thấp nhất 50.000.000đ và cao nhất 1.000.000.000đ với lãi suất khoảng 03%/01 tháng, có trả lãi một lần 100.000.000đ. Đến ngày 10/02/2017 B, T và P làm biên bản xác định nợ vay là 4.200.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng), sau đó P bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền này.

2. Đối với bà Trần Thị Ng:

Nguyễn Thanh P vay tiền của bà Ng nhiều lần, mỗi lần thấp nhất 50.000.000đ và cao nhất là 100.000.000đ với lãi suất 05%/01 tháng, thời hạn vay 06 tháng và có trả gốc, lãi xuất đầy đủ. Đến ngày 02/5/2019, bà Ng và P làm biên bản xác định nợ vay là 420.000.000đ (Bốn trăm hai chục triệu đồng), sau đó P bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền này. Ngày 07/9/2021 bà Ng chết nên gia đình bà họp lại lập biên bản thống nhất giao cho ông Đoàn Minh L là con bà Ng tham gia tố tụng.

3. Đối với Nguyễn Thị Hồng N:

Vào khoảng năm 2017, Nguyễn Thanh P vay mượn tiền của bà N nhiều lần, mỗi lần thấp nhất 15.000.000đ và cao nhất 50.000.000đ với lãi xuất tháng, thời hạn vay 06 tháng. Sau đó vay thêm nhưng tất cả không có làm biên nhận. Sau khi vay được tiền thì P bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền này. Trong quá trình điều tra, bà N trình bày cho P vay tổng cộng 1.486.000.000đ (bao gồm tiền vay và tiền bà N đóng hộ giùm cho P), tuy nhiên P không đồng ý số tiền trên. Ngày 06/7/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang tiến hành cho bà N và P đối chất thì bà N và P thống nhất số tiền P vay mượn của bà N chưa trả là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh P thừa nhận có vay tiền nhiều lần của ông B, bà T, bà Ng, bà N tại địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng số tiền 5.420.000.000đ (Năm tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng) nhưng không còn khả năng trả nên đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền nói trên.

Tại bản kết luận giám định số: 793/KL-KTHS, ngày 21/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang xác định:

- 02 (hai) dấu vân tay mang tên Nguyễn Thanh P trên “Giấy mượn tiền”, ngày 02/5/2019 với dấu vân tay in trên Tờ khai chứng minh nhân dân và Chỉ bản ghi họ tên: Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1981; Nơi thường trú: ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang là của cùng một người.

- 02 (hai) dấu vân tay mang tên Nguyễn Thanh P trên “Giấy thoả thuận mượn tiền”, ngày 10/02/2017 với dấu vân tay in trên Tờ khai chứng minh nhân dân và Chỉ bản ghi họ tên: Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1981; Nơi thường trú: ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, Phú Quốc, Kiên Giang là của cùng một người.

Vật chứng trong vụ án gồm có:

- Giấy mượn tiền ngày 02/5/2019, giấy thoả thuận mượn tiền ngày 10/02/2017 kèm theo hồ sơ vụ án.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Trong quá trình điều tra, người bị hại ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị T yêu cầu P bồi thường 3.900.000.000 đồng (ông B và bà T giảm bớt cho P 300.000.000đ); Trần Thị Ng yêu cầu bồi thường 420.000.000đ; Nguyễn Thị Hồng Ng yêu cầu bồi thường 800.000.000đ, P đồng ý bồi thường nhưng đến nay chưa bồi thường.

Ngày 17/8/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 218 và Công văn số 193, ngày 13/6/2022 yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cung cấp thông tin Nguyễn Thanh P có sở hữu thửa đất nào trên địa bàn thành phố Phú Quốc hay

không. Ngày 27/6/2022 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có ban hành Công văn số 54 trả lời như sau: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phú Quốc từ năm 2017 đến ngày 23/6/2022 cá nhân ông: Nguyễn Thanh P (Hưởng), sinh năm: 1981, CMND số: 370868747, theo Công văn số 193, ngày 13/6/2022 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, chưa thực hiện đăng ký hồ sơ về quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 193 yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang về việc xác minh tài sản ông Nguyễn Thanh P (Hưởng) có sở hữu thửa đất nào trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hay không. Ngày 06/7/2022 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 168 trả lời như sau: Qua rà soát và kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại đơn vị, không có hồ sơ đăng ký cấp giấy và đăng ký biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 194 yêu cầu Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang cung cấp thông tin Nguyễn Thanh P có sở hữu tài sản là xe ô tô cá nhân không. Ngày 21/6/2022 Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kiên Giang trả lời từ ngày 01/01/2017 đến ngày 21/6/2022 không tìm thấy dữ liệu tra cứu tên chủ xe Nguyễn Thanh P.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, thì ngày 17/6/2022 và ngày 01/7/2022 ông Hồ Văn M và bà Trần Kim P làm đơn tố giác Nguyễn Thanh P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang tiếp nhận đơn và thu thập chứng cứ liên quan, xác định đây là giao dịch dân sự không có dấu hiệu tội phạm nên đã ra văn bản thông báo và hướng dẫn cho ông Hồ Văn M (Công văn số 666/VPCQCSĐT, ngày 11/11/2022) và bà Trần Kim P (Công văn số 736/VPCQCSĐT, ngày 18/11/2022) khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKSTKG-P2 ngày 05/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thanh P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh P. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P từ 15 đến 16 năm tù; áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo P phải bồi thường cho bị hại Trần Văn B và Nguyễn Thị T 3.900.000.000đ; Trần Thị Ng (có người đại diện là ông L) 420.000.000đ; Nguyễn

Thị Hồng N 800.000.000đ.

* Bị cáo Nguyễn Thanh P có ý kiến thừa nhận bản thân đã thực hiện hành vi phạm tội như truy tố của Viện kiểm sát. Xin Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ nhất có thể.

* Người bào chữa cho bị cáo P có ý kiến: Đồng ý với tội danh, điều khoản Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng để xử phạt bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì bị cáo thành khẩn khai báo và có hạn chế về nhận thức pháp luật.

* Bị hại Trần Văn B và Nguyễn Thị T có ý kiến: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P. Yêu cầu buộc bị cáo P phải bồi thường 3.900.000.000đ.

* Bị hại Nguyễn Thị Hồng N có ý kiến: Yêu cầu xử bị cáo P theo quy định pháp luật và buộc bị cáo phải bồi thường 800.000.000đ.

* Đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Nc là ông Đoàn Minh L có ý kiến: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P. Yêu cầu buộc bị cáo P phải bồi thường 420.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn M và bà Trần Kim Pg có ý kiến: Đã nhận được văn bản trả lời và hướng dẫn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tiền giữa ông, bà và Nguyễn Thanh P là giao dịch dân sự không có dấu hiệu tội phạm và hướng dẫn cho ông, bà khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác. Ông, bà đồng ý theo văn bản trả lời và hướng dẫn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, không có khiếu nại hay yêu cầu gì khác. Để ông, bà trao đổi, thỏa thuận với Nguyễn Thanh P và gia đình P về giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tiền giữa hai bên, nếu không thỏa thuận được thì ông, bà khởi kiện thành vụ án dân sự khác, chứ không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chung trong vụ án hình sự này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều

hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Thanh P khai nhận có vay tiền của ông B, bà T, bà Ng, bà Ng tổng cộng 5.420.000.000đ (Năm tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), đến khi không còn khả năng trả đã bỏ trốn khỏi địa phương, sau đó bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan điều tra. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thanh P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây thiệt hại lớn về kinh tế và tác động xấu đến sinh hoạt của những người bị hại, ngoài ra còn làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; tại phiên tòa các bị hại B, T và đại diện bị hại N có ý kiến yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, một phần ý kiến của người bào chữa cho bị cáo, quyết định xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hậu quả mà bị cáo đã gây ra, để cải tạo, giáo dục bản bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về các vấn đề khác:

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo P thừa nhận đã chiếm đoạt của các bị hại Trần Văn B và Nguyễn Thị T 3.900.000.000đ; Trần Thị N 420.000.000đ; Nguyễn Thị Hồng Ng 800.000.000đ đến nay chưa hoàn trả. Do đó, theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt nêu trên.

* Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 113.120.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Phần án phí dân sự sơ thẩm được tính cụ thể như sau: Tổng số tiền phải trả 5.120.000.000đ, án phí phải chịu là 112.000.000đ + 0,1% của phần vượt 4.000.000.000đ (là

$1.120.000.000đ \times 0,1\% = 1.120.000đ = 113.120.000đ.$

* Đối với Hồ Văn M và bà Trần Kim P cho rằng có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cho vay mượn tiền với Nguyễn Thanh P. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã có văn bản trả lời xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay tiền giữa ông, bà với Nguyễn Thanh P là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm và hướng dẫn cho ông, bà khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác. Ông, bà đồng ý theo văn bản trả lời và hướng dẫn của Cơ quan cảnh sát điều tra, không có khiếu nại hay yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa ông, bà cũng có ý kiến đề ông, bà tự trao đổi, thỏa thuận với P và gia đình P, nếu không thỏa thuận được thì ông, bà khởi kiện thành vụ án dân sự khác chứ không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chung trong vụ án hình sự này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh P** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P **15** (Mười lăm) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 07/6/2022).

3. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh P phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại Trần Văn B và Nguyễn Thị T 3.900.000.000đ (Ba tỷ chín trăm triệu đồng); Nguyễn Thị Hồng N 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng); Trần Thị Ng có người đại diện là ông Đoàn Minh L 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại nếu bị cáo P không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo P còn phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi cho họ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí, áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh P phải chịu **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **113.120.000đ** (Một trăm mười ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (3);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Lịnh